

TÌM HIỂU

TRUYỀN THỐNG KHOA CỬ

Ở BẮC NINH

NGUYỄN QUANG KHẢI*

Địa danh Bắc Ninh mà chúng tôi đề cập trong bài này là đơn vị hành chính cấp tỉnh được xác lập vào tháng 1 năm 1997, sau khi được tách khỏi tỉnh Hà Bắc cũ. Tại thời điểm đó (1997), tỉnh Bắc Ninh có 6 đơn vị hành chính trực thuộc (gồm 5 huyện và 1 thị xã). Những số liệu về tình hình khoa cử của tỉnh Bắc Ninh được trình bày trong bài này là xác định theo địa giới hành chính năm 1997.

Cho đến nay, có nhiều sách thống kê số người đỗ đại khoa của nước ta qua các triều đại, trong đó có tỉnh Bắc Ninh. Những số liệu mà các sách đó (*Thiên Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* của Phạm Hòa Phủ; *Đại Việt lịch triều đăng khoa thực lục, Liệt huyện đăng khoa bị khảo* của Phan Huy Ôn; *Lịch sử văn hóa Việt Nam* của Đàm Văn Trí - Nxb. Trẻ, thành phố Hồ Chí Minh, 1962; *Địa chí Hà Bắc, Các nhà khoa bảng Việt Nam...*) đưa ra những số liệu không giống nhau. Ở đây, chúng tôi chủ yếu dựa vào sách *Đại Việt lịch triều đăng khoa thực lục* và sách *Thiên Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* (phần đời Nguyễn) để phân tích tình hình khoa bảng ở Bắc Ninh. Sở dĩ chúng tôi dựa chủ yếu vào sách trên là bởi sách *Đại*

Việt lịch triều đăng khoa thực lục được biên soạn từ thời Lê Chiêu Thống và đưa ra những thông tin tương đối chi tiết về từng vị.

Theo sách *Đại Việt lịch triều đăng khoa thực lục* (bản chữ Hán) thì danh sách đỗ đại khoa của tỉnh Bắc Ninh là: Huyện Gia Định (nay là Gia Bình): 32; huyện Lương Tài: 47; huyện Quế Võ: 56; huyện Thuận Thành: 47; huyện Tiên Du: 42; huyện Từ Sơn: 91; huyện Yên Phong: 45 vị; thành phố Bắc Ninh: 8 vị. Sách *Thiên Nam lịch triều liệt huyện đăng khoa bị khảo* và sách *Văn bia Văn Miếu Bắc Ninh* (của Nguyễn Quang Khải, Nxb. Văn hóa dân tộc, HN, 2000), danh sách các vị đỗ đại khoa của từng huyện trong tỉnh Bắc Ninh là: Gia Bình: 32; Lương Tài: 47; Thuận Thành: 47; Tiên Du: 43; Từ Sơn: 96; Yên Phong: 47; thành phố Bắc Ninh: 8 vị. Còn theo sách *Các vị đại khoa của tỉnh Bắc Ninh* (Lê Việt Nga chủ biên, Bảo tàng Bắc Ninh xuất bản năm 2003) thì danh sách các vị đỗ đại khoa ở Bắc Ninh (trong đó có 8 vị đỗ phó bảng), là: Gia Bình: 34; Lương Tài: 56; Quế Võ: 61; Thuận Thành: 47; Tiên Du: 42; Từ Sơn: 105; Yên Phong: 42; thành phố Bắc Ninh: 7 vị.

Nhìn vào đội ngũ tiến sĩ của Bắc Ninh thời trước, người Bắc Ninh tự hào và khâm phục về truyền thống cử nghiệp của quê hương

* BAN TÔN GIÁO TỈNH BẮC NINH

minh. Nhưng trong thực tế, số những người đỗ đại khoa ở Bắc Ninh thời trước không phải chỉ có thế, mà có thể còn số thực còn cao hơn. Bởi vì, hầu hết các khoa thi đời Lý (1010 - 1225) và đời Trần (1226 - 1400), các nhà làm sử không ghi danh sách cụ thể họ tên của từng người đỗ, mà chỉ ghi tổng số người đỗ khoa đó. Sách *Đại Việt lịch triều đăng khoa thực lục* là sách được làm từ đời Lê Chiêu Thống (1787 - 1788) cũng chỉ cho hậu thế tổng số người đỗ của các khoa thi đời Lý - Trần mà không ghi họ tên từng người. Ví dụ sách này ghi về số người đỗ đạt qua 5 khoa thi ở đời Lý như sau:

- Khoa thi Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh năm thứ 4 (1075), sách trên chỉ ghi Đệ nhất danh là Lê Văn Thịnh, người xã Đông Cứu, huyện Gia Định, ngoài ra không ghi tên ai nữa.

- Khoa thi Nhâm Thân, niên hiệu Đại Định năm thứ 13 (1152), sách ghi "thi Điện để lấy học trò", nhưng họ tên người đỗ đều không được ghi.

- Khoa thi Ất Dậu, niên hiệu Bảo Ứng Chính Long năm thứ 3 (1165) không ghi danh sách người đỗ.

- Khoa thi Ất Ty, niên hiệu Trinh Phù thứ 10 (1175), sách ghi là lấy đỗ 13 người, nhưng chỉ ghi họ tên 4 người là Bùi Quốc Khái, Đỗ Thế Diên, Đặng Nghiễm, Nguyễn Trung Chính, còn 9 người không có tên.

- Khoa thi Thiên Tư Gia Thụy năm thứ 8 (1193) không thấy ghi số người đỗ.

Do vậy, với 12 khoa thi của các đời Lý, Trần và Lê Thái Tổ, điều kiện sử sách không cho phép chúng ta biết được số người thi đỗ tiến sĩ của mỗi khoa là bao nhiêu, và với 399 vị của 25 khoa thi từ đời Lý, Trần, Hồ mà chúng ta không biết rõ họ tên, quê quán, chắc chắn rằng, không thể không có nhiều vị người Bắc Ninh. Đây là một mảng trống lớn mà các thư tịch cổ còn để lại, và do đó, chúng ta khó mà dựng lại diện mạo đầy đủ học phong thời phong kiến trên toàn cõi Việt Nam, trong đó có tỉnh Bắc Ninh. Vì thế, sau đây, chúng tôi xin đưa ra một số ý kiến trên cơ sở phân tích tình hình khoa cử ở Bắc Ninh thời trước trên một số bình diện dựa vào những thông tin của những vị tiến sĩ mà chúng ta còn may mắn biết được đôi nét về họ qua những nguồn thư

Nguyễn Quang Khải: *Tim hiểu truyền thống khoa cử...*

tịch cổ hiếm hoi.

1 - *Những vị đỗ đại khoa ở Bắc Ninh có độ tuổi chênh lệch tương đối lớn*

Tim hiểu tiểu sử của các vị, chúng tôi thấy:

- Có 134 người đỗ tiến sĩ ở độ tuổi từ 17 đến 30;

- Có 71 người đỗ ở độ tuổi từ 31 đến 40;

- Có 45 người đỗ ở độ tuổi từ 41 đến 50;

- Có 17 người đỗ ở độ tuổi từ 51 trở lên.

Trong số này, có một số người trên 60 tuổi mới ứng thi, đó là các cụ: Quách Đồng Dẫn, sinh năm 1567, người Phù Khê, năm 1634 (tức là đã 67 tuổi), cụ mới ứng thi và đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân; Nguyễn Nghiêu Tư, sinh năm 1383, người xã Phù Lương, huyện Quế Võ, cụ đỗ trạng nguyên năm 1448 (đã 65 tuổi); Vũ Miễn, người xã Ngọc Trì, huyện Lương Tài, mãi năm 64 tuổi mới đỗ Đệ tam giáp đồng tiến sĩ xuất thân (tên đứng thứ 2), khoa thi Bính Thìn, niên hiệu Hoảng Định thứ 16 (1616) - khoa này, triều đình không lấy đệ nhất, đệ nhị giáp, nên Vũ Miễn được coi là người đỗ cao thứ hai trong khoa thi đó (ở khoa thi Hội trước, Vũ Miễn đỗ Hội nguyên)...

Trong khi đó, có người lại thi đỗ tiến sĩ ở tuổi rất trẻ, như: Đào Cử sinh năm 1449, người xã Thuần Khang, huyện Thuận Thành, đỗ năm 1466 khi mới 17 tuổi; Dương Như Châu, sinh năm 1448, người Lạc Thổ, huyện Thuận Thành, đỗ năm 1466, khi mới 18 tuổi; Nguyễn Xung Xác sinh năm 1451, người xã Kim Đồi, đỗ tiến sĩ năm 1469 khi 18 tuổi...

2 - *Người Bắc Ninh đã đạt được đầy đủ các học vị của nền khoa bảng thời trước*

Trạng nguyên có 15 vị:

- Lê Văn Thịnh, người xã Đông Cứu, huyện Gia Định, đỗ đầu khoa thi Minh kinh bác học năm Ất Mão, niên hiệu Thái Ninh thứ 4, triều Lý Nhân Tông (1075). Thời này chưa có học vị trạng nguyên, nhưng vì là người đỗ đầu kỳ thi đầu tiên và cao nhất của quốc gia nên dân gian vẫn quen gọi Lê Văn Thịnh là vị trạng nguyên khai khoa.

- Nguyễn Quán Quang, người xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, đỗ trạng nguyên khoa Bình Ngộ, niên hiệu Thiên Ứng Chính Bình thứ 15, đời Trần Thái Tông (1246).

- Lý Đạo Tái, sinh năm Giáp Dần (1254), người xã Vạn Ty, huyện Gia Bình, đỗ đầu kỳ

thi Thái học sinh khoa Giáp Tuất, niên hiệu Bảo Phù, đời Trần Thánh Tông (1274). Tuy nhiên, một số sách ghi họ tên ông ở phần "Bổ di", sách *Lịch triều hiến chương loại chí* của Phan Huy Chú và sách *Kiến văn tiểu lục* của Lê Quý Đôn tỏ ra nghi ngờ về việc Lý Đạo Tái có thi đỗ. Văn bia tại Văn miếu Bắc Ninh cũng đục tên ông, sách *Đại Việt sử ký toàn thư* cũng không thấy chép về khoa thi này.

- Lưu Khúc Kiệm, người xã Chạm Lộ, huyện Thuận Thành, đỗ trạng nguyên khoa Giáp Thìn, niên hiệu Thánh Nguyên, năm đầu triều Hồ Quý Ly (1400).

- Nguyễn Nghiêu Tư, sinh năm Quý Hợi (1383), người xã Phù Lương, huyện Quế Võ, đỗ trạng nguyên khoa Mậu Thìn, niên hiệu Thái Hòa thứ 6, đời Lê Nhân Tông (1448).

- Vũ Kiệt, sinh năm Tân Mùi (1451), người xã Yên Việt, huyện Thuận Thành, đỗ trạng nguyên khoa Nhâm Thìn niên hiệu Hồng Đức thứ 3, đời Lê Thánh Tông (1472).

- Nguyễn Quang Bật, sinh năm Giáp Thân (1464), người xã Bình Ngô, huyện Thuận Thành, đỗ trạng nguyên khoa Giáp Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 15, đời Lê Thánh Tông (1484).

- Nghiêm Viện, người xã Bồng Lai, huyện Quế Võ, đỗ trạng nguyên khoa Bình Thìn, niên hiệu Hồng Đức thứ 27, đời Lê Thánh Tông (1496).

- Nguyễn Giản Thanh, sinh năm Quý Mão (1483), người xã Hương Mặc, huyện Từ Sơn, đỗ trạng nguyên khoa Mậu Thìn, niên hiệu Đoan Khánh năm thứ 4, đời Lê Uy Mục (1508).

- Ngô Miễn Thiệu, sinh năm Kỷ Mùi (1499), người xã Tam Sơn, huyện Từ Sơn, đỗ trạng nguyên khoa Mậu Dần, niên hiệu Quảng Thiệu thứ 3, đời Lê Chiêu Tông (1518).

- Hoàng Văn Tán, người xã Xuân Lôi, huyện Quế Võ, đỗ trạng nguyên khoa Quý Mùi, niên hiệu Thống Nguyên năm thứ 2, đời Lê Cung Hoàng (1523).

- Nguyễn Lượng Thái, sinh năm Ất Mùi (1525), người xã Bình Ngô, huyện Thuận Thành, đỗ trạng nguyên khoa Quý Sửu, niên hiệu Cảnh Lịch thứ 6, đời Mạc Phúc Nguyên (1553).

- Vũ Giới, sinh năm Tân Sửu (1541), người

xã Lương Xá, huyện Lương Tài, đỗ trạng nguyên khoa Đinh Sửu, niên hiệu Sùng Khang thứ 12, đời Mạc Mậu Hợp (1577).

- Nguyễn Xuân Chính, sinh năm Mậu Tý (1588), người xã Phù Chấn, huyện Từ Sơn, đỗ trạng nguyên khoa Đinh Sửu, niên hiệu Dương Hòa năm thứ 3, đời Lê Thần Tông (1637).

- Nguyễn Đăng Đạo, sinh năm Tân Mão (1651), người xã Hoài Bảo, huyện Tiên Du, đỗ trạng nguyên khoa Quý Hợi, niên hiệu Chính Hòa năm thứ 4, đời Lê Hy Tông (1683).

Với 15 vị trạng nguyên, Bắc Ninh là tỉnh có số người đỗ đầu các kỳ thi tiến sĩ cao nhất cả nước.

Cùng với 15 vị trạng nguyên kể trên, Bắc Ninh còn có 9 vị đỗ bảng nhãn, 19 vị đỗ thám hoa, 76 vị đỗ đệ nhị giáp tiến sĩ xuất thân, 241 vị đỗ đệ tam giáp tiến sĩ xuất thân, 8 vị đỗ phó bảng. Đặc biệt, ở khoa Mậu Thìn, niên hiệu Đoan Khánh năm thứ 4, đời Lê Uy Mục (1508) cả 3 học vị trạng nguyên, bảng nhãn, thám hoa đều thuộc về người Bắc Ninh, đó là: Trạng nguyên Nguyễn Giản Thanh, bảng nhãn Hứa Tam Tỉnh, thám hoa Nguyễn Hữu Nghiêm.

3 - *Về nguồn gốc xuất thân*, trước khi ứng thí, các vị tiến sĩ của Bắc Ninh có nguồn gốc xuất thân rất đa dạng. Tìm hiểu tình hình khoa cử của các triều đại, chúng tôi tạm chia ra 27 nhóm nguồn gốc xuất thân của các vị như sau: 60 người có "chân" giám sinh; 69 người là nho sinh; 4 người là hạ xá sinh, 3 người là trung xá sinh; 5 người là thượng xá sinh; 14 người là sinh đồ, 4 người có "chân" sĩ vọng; 14 người là huấn đạo; 1 người là giám thí; 6 người là tri phủ, 18 người là tri huyện; 2 người là hiến phó; 1 người là bộc xạ; 1 người là giáo thụ; 2 người có "chân" điển khoa; 2 người là chỉ huy thêm sự; 3 người là tư vụ; 2 người là dân hạng; 2 người là chăn dạy voi. Số còn lại là những người có các "chân" sau đây: Điển lại, giản luận, tự thừa, chủ sự, tự ban, thị hầu, viên ngoại lang, thư ngoại lang, giảng dụ...

Một điều đặc biệt đáng lưu ý là, trong số gần 300 vị đại khoa xuất thân rất đa dạng này, có những vị trước khi lều trống đi thi, chỉ là dân hạng, hoặc anh chàng chăn voi. Đó là Đào Lâm, người Dương Hồ, Lương Tài, vốn chỉ là dân hạng, dự thi khoa Mậu Tuất (1478)

khi mới 18 tuổi; sau khi thi đỗ, ông được cử đến làm việc ở Hàn lâm viện, giữ chức Đông các. Đó là Thái Thuận, vốn chỉ làm nghề chăn voi, người xã Liễu Lâm, huyện Thuận Thành, đỗ tiến sĩ khoa Ất Mùi (1475); sau khi thi đỗ, ông làm quan đến chức Tham chính xứ Hải Dương và có "chân" trong nhóm *Tao đàn nhị thập bát tú* do vua Lê Thánh Tông thành lập.

4 - *Trừ huyện Lương Tài*, số người đỗ tiến sĩ ở Bắc Ninh hầu như tập trung ở một số làng, như: Kim Đồi, huyện Quế Võ (22 tiến sĩ); Tam Sơn, huyện Từ Sơn (16 tiến sĩ); Nội Duệ, huyện Tiên Du (15 tiến sĩ); Phù Chẩn, huyện Từ Sơn (9 tiến sĩ); các làng Trang Liệt, huyện Từ Sơn; Đại Bái, huyện Gia Bình; Vọng Nguyệt, huyện Yên Phong (mỗi làng có 8 vị tiến sĩ); Phù Khê, huyện Từ Sơn; Lai Xá, huyện Lương Tài; Hoài Bão, huyện Tiên Du (mỗi làng có 7 vị); Kim Thiều, huyện Từ Sơn; Lương Xá, huyện Lương Tài; Bình Ngô, huyện Thuận Thành (mỗi làng có 6 vị); Cẩm Giang, huyện Từ Sơn; Chân Hộ, huyện Yên Phong; Lạc Thổ, huyện Thuận Thành (mỗi làng có 5 vị)... Ở những làng này, số người đỗ tiến sĩ lại chỉ tập trung vào một số dòng họ, như dòng họ Nguyễn ở Tam Sơn, họ Ngô ở Tam Sơn, họ Trần ở Phương Trộn; họ Nguyễn, họ Phạm ở Kim Đồi... Và, ngay trong những dòng họ này, lại thấy có khá nhiều gia đình có nhiều người thi đỗ: Có 9 gia đình có 4 đời liên tục trở lên có người thi đỗ; có 17 gia đình có 3 đời liên tục có người thi đỗ; 11 gia đình có 3 người trở lên của hai đời liên tục thi đỗ; 26 gia đình có hai đời thi đỗ liên tục; có 2 gia đình có 3 anh em trở lên cùng đỗ một khoa; 8 gia đình có 2 anh em cùng đỗ; có 12 gia đình cách một đời lại có người thi đỗ; có 7 gia đình có hai người thi đỗ cách nhau từ hai đời trở lên...

5 - *Trong các khoa thi tiến sĩ* được các triều đại phong kiến Việt Nam mở ra qua 845 năm, có một số khoa thi, sĩ tử Bắc Ninh không có điều kiện ứng thí; nhưng với 111 khóa thi có thí sinh Bắc Ninh, thì tỷ lệ đỗ của người Bắc Ninh là tương đối cao. Tiêu biểu là: Khoa thi năm 1472 có 12 người, khoa 1490 có 11 người, khoa 1496 có 10 người, khoa 1499 có 9 người, khoa 1508 có 15 người, khoa 1511 có 12 người, khoa 1535 có 11 người, khoa 1547 có 10 người... Ở hầu hết những khoa thi khác, thì Bắc Ninh đều có

Nguyễn Quang Khải: *Tìm hiểu truyền thống khoa cử...*

từ 2 đến 7 hoặc 8 người đỗ.

6 - *Về con đường hoạn lộ*: Sau khi giành được học vị tiến sĩ, những ông nghè đất Bắc Ninh được Nhà nước phong kiến bổ nhiệm và thăng dần lên những cương vị tương xứng với tài đức của họ. Vì thế, đội ngũ những người đã đỗ đạt có chức tước, phẩm hàm cao khá nhiều: 1 vị Thái sư (Lê Văn Thịnh, đỗ đầu kỳ thi Minh kinh bác học năm 1075), 1 vị Thái tể, 75 vị thượng thư; 77 vị Thị lang, 1 vị Đình phó, 32 vị Hàn lâm, Đông các, 57 vị Thừa chánh xứ, 6 vị Đốc đồng, 1 vị Tổng đốc, 1 vị Chỉ huy xứ, 3 vị Án sát, 3 vị Phụng Thiên Phủ doãn... Trong số này, nhiều người được phong tước của triều đình: 11 tước Công, 28 tước Hầu, 23 tước Bá, 3 tước Tử, 6 tước Nam.

7 - *Về nhân quan chính trị*: Nếu cách ứng xử truyền thống của các nhà Nho Việt Nam là *trung thân bất sự nhị quân*, thì trong giới trí thức phong kiến Bắc Ninh, có một số vị "nhìn đời" bằng con mắt thực tế hơn. Đối với nhà Mạc, giới sĩ phu đương thời thường vẫn gọi là "ngụy triều", nhưng không ít kẻ sĩ Bắc Ninh không có thái độ kỳ thị, quay lưng lại với triều đại này. Kể từ khoa thi Kỷ Mão, niên hiệu Minh Đức thứ 3 (1529) đến khoa Nhân Thìn, niên hiệu Hoàng Ninh thứ 2 (1592), nhà Mạc mở 20 khoa thi. Không biết trong 20 khoa thi đó, Bắc Ninh có bao nhiêu người ứng thí, chỉ biết rằng, (Bắc Ninh) có đến 116 người đỗ đại khoa, trong đó, có một số người đỗ Tam khôi. Những vị trí thức này hẳn đã chẳng cần đắn đo gì, mà họ hồ hởi ra làm quan với "tân triều", nhiều vị là Thượng thư, Thị lang...

Về phía mình, triều Mạc, một mặt sử dụng một cách hợp lý những trí thức được đào tạo dưới triều đại của mình, mặt khác, sử dụng một cách khéo léo những trí thức cũ và động viên họ, bằng cách phong thêm phẩm tước cho đội ngũ quan lại cựu triều - khi xét thấy những người này thực bụng có ý muốn cộng tác với đương triều. Đó là các trường hợp của Nguyễn Quang Luận (người Vạn Ty, huyện Gia Bình, đỗ năm 1508) làm quan đến chức Tả Thị lang bộ Công; Nguyễn Thu (người xã Lai Xá, huyện Lương Tài, đỗ năm 1511) làm quan đến chức Thượng thư bộ Hộ... Những vị đỗ tiến sĩ trong triều đại nhà Lê ra làm quan cho nhà Mạc, có: Thượng thư Nguyễn Kính Điển, Thượng thư Đào Sư Đức, Đại lý tự

khanh Phạm Kính Trung, Thượng thư Nguyễn Cư Nhân, Tham chính xứ Nguyễn Văn Địch, Thượng thư Phạm Vĩnh Truyền...

8 - *Những đóng góp vào đời sống văn hóa:* Những vị tiến sĩ, ngoài nhiệm vụ hoàn thành chức trách của một vị quan, họ còn có nhiều đóng góp vào sự phát triển của sự nghiệp giáo dục của các thời đại. Hầu hết các vị tiến sĩ, sau một thời gian làm quan, khi về hưu đều mở trường dạy học. Với uy tín, trình độ và đạo đức của mình, học trò gần xa đến học rất đông; trong số đó, có nhiều người đỗ đạt, làm quan, noi chí và làm sáng được cái đạo của thầy.

Đối với nền văn hóa dân tộc, các vị cũng có nhiều đóng góp đáng kể vào việc giữ gìn và phát huy nền văn hóa nước nhà. Trong số hàng trăm vị tiến sĩ, có nhiều vị nổi tiếng trên phương diện là một nhà thơ. Đó là Vũ Mộng Nguyên, người làng Đông Sơn, Tiên Du, đỗ năm 1400; Nguyễn Thiên Tích, người Nội Duệ, Tiên Du, đỗ năm 1431; Ngô Luân, người Tam Sơn, Từ Sơn, đỗ năm 1475; Nguyễn Quang Bật, người Bình Ngô, Thuận Thành, đỗ trạng nguyên năm 1484; Nguyễn Đăng Đạo, người Hoài Bảo, Tiên Du, đỗ trạng nguyên năm 1683; Hoàng Văn Hòe, người Phù Lưu, Từ Sơn, đỗ năm 1880... Đặc biệt, có nhiều vị được trở thành thành viên của nhóm thơ do vua Lê Thánh Tông sáng lập, mà sau này người đời gọi là *Tao Đàn nhị thập bát tú* (như: Ngô Luân, Đàm Thận Huy, Nguyễn Nhân Bị, Nguyễn Xung Xác, Thái Thuận, Nguyễn Quang Bật, Chu Huân).

Từ những trình bày trên đây, chúng tôi xin có mấy ý kiến về tình hình khoa cử ở Bắc Ninh

trước đây như sau:

- Ngay từ thời phong kiến, các nhân tài chỉ có thể xuất hiện và phát huy tác dụng được khi Nhà nước có chính sách và thực hiện được chính sách trọng dụng kẻ sĩ. Điều đó được thể hiện qua việc thi tuyển thật sự công bằng, qua việc sử dụng, đãi ngộ và những chính sách khác nhằm khuyến khích kẻ sĩ dốc hết tâm trí của mình phục vụ đất nước.

- Truyền thống quê hương và truyền thống cử nghiệp của mỗi gia đình là hai trong những yếu tố cực kỳ quan trọng đối với sự thành đạt của mỗi cá nhân, cũng là yếu tố quan trọng đối với học phong của một thời đại. Đó chẳng những là niềm tự hào của một dòng họ, một làng xã, mà còn là niềm kiêu hãnh của một huyện, một tỉnh. Những câu *Kim Đới gia thế, chu tử mãn triều, Dốt Đông Ngàn còn hơn kẻ ngoan thiên hạ...* đã nói lên điều đó.

- Sự thành đạt của những người có hoàn cảnh khó khăn, xuất thân bình dân hoặc những người có tuổi đời khá cao (trên 50 tuổi) vẫn còn quyết tâm học và thi đỗ, chứng tỏ rằng, sự nỗ lực của chủ thể là yếu tố quyết định, nhưng học phong của thời đại có tác dụng kích lệ, động viên kẻ sĩ là rất có hiệu quả.

- Quy chế thi cử thời phong kiến có nhiều điều gây khó khăn cho người đi thi, nhưng riêng về nền nếp và cách thức tuyển chọn quan lại thì cũng còn nhiều mặt khả thủ. Điều này ngày nay chúng ta cần phải học tập./.

N.Q.K

SUMMARY: BẮC NINH IN TRADITIONAL COMPETITION EXAMINATIONS - AN EXPLORATION (NGUYỄN QUANG KHẢI)

Bắc Ninh was a leading province in number of candidates passing pre-court competition examinations in the past. Folk saying has it that Bắc Ninh is a land that has "a basketful of teachers, basketful of doctors, a bagful of top-ranked doctors and a boatful of second-ranked doctors". Basing on number of candidates who passed the examinations, the authors provided a picture about successful candidates through different aspects: Age of success, degrees obtained, their descents, allocation of successful candidates, successful years of Bắc Ninh candidates, their mandarin path of after recognition, political viewpoints and contribution to the life and culture of their country, etc.